TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-PT
Ngày 25-5-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Ông Lương Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi***: Bà Võ Thị Hồng Luyến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 64/2021/QĐ-PT ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị P - sinh năm 1947; cư trú tại số 01 đường T, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Phạm Thị H - sinh năm 1960; cư trú tại số 544 đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L – sinh năm 1992; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2021).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Bạch T - sinh năm 1968 và ông Lê T1 - sinh năm 1965; cư trú tại tổ dân phố Hòa Thạnh, phường Phổ Hòa, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị Bạch T là bị đơn.

(Chị L, bà T có mặt; ông T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 09/9/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị P và bà Phạm Thị H cùng trình bày:*

Ngày 09/02/2018, các bà có cho bà Đỗ Thị Bạch T và ông Lê T1 vay số tiền 200.000.000 đồng, trong đó phần của mỗi bà là 100.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng; bà T và ông T1 cam kết khi nào các bà cần thì báo trước 10 (mười) ngày thì bà T, ông T1 sẽ hoàn trả cả tiền nợ gốc và nợ lãi. Sau khi vay tiền, thời gian đầu bà T và ông T1 có thực hiện việc trả tiền nhưng không cố định thời gian và số tiền trả; lúc trả nhiều, lúc trả ít. Từ tháng 8/2019, bà T và ông T1 không trả tiền nên các bà đã nhiều lần đến nhà bà T yêu cầu hoàn trả tiền nợ gốc và nợ lãi, nhưng bà T và ông T1 không trả; sau đó có một lần gần tết, bà T và ông T1 có trả 1.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi bà T và ông T1 đã trả cho các bà là 69.000.000 đồng. Tháng 6/2020 bà T trả 2.000.000 đồng và tháng 8/2020, trả 2.000.000 đồng. Sau đó, bà T và ông T1 không trả nợ cho các bà. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, các bà yêu cầu bà T và ông T1 phải trả cho các bà 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 64.000.000 đồng tiền nợ lãi (tiền lãi tính đến tháng 10/2020). Quá trình hòa giải, các bà chỉ yêu cầu bà T và ông T1 phải trả cho các bà 196.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu tiền nợ lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa do bị đơn yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả nên các bà thay đổi ý kiến, các bà yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông T1 phải trả cho các bà tiền nợ gốc là 196.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo theo quy định của pháp luật, tính từ khi vay đến ngày 09/7/2019; khoản tiền lãi 69.000.000 đồng mà bà T và ông T1 đã trả, nếu dư các bà đồng ý trừ vào tiền nợ gốc và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 9/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

** Tại bản tư khai ngày 22/10/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Bạch T vừa là bị đơn vừa là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê T1 đại diện trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 09/02/2018, bà và ông Lê T1 có vay của bà Huỳnh Thị P và bà Phạm Thị H 200.000.000 đồng, trong đó vay của bà P 100.000.000 đồng, vay của bà H 100.000.000 đồng như bà P và bà H trình bày là đúng. Mục đích vay tiền để làm ăn, buôn bán; lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng. Từ ngày vay đến ngày 30/12/2019 âm lịch, bà và ông T1 đã trả cho bà P và bà H 69.000.000 đồng tiền lãi. Do làm ăn thua lỗ, nên từ tháng 8/2019 bà xin bà P và bà H được trả gốc, nên ngày 14/6/2020 bà trả 2.000.000 đồng và ngày 12/8/2020, trả tiếp 2.000.000 đồng. Bà và ông T1 thừa nhận còn nợ bà P và bà H 196.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tại phiên hòa giải, bà đồng ý trả 196.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng xin được trả dần và không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi mà bà đã trả. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà yêu cầu tính

lại lãi từ ngày vay đến ngày 09/7/2019 là 17 tháng với mức lãi suất là 0,65%/tháng, số tiền lãi bà đã trả dư yêu cầu trừ vào tiền nợ gốc. Ngày 16/12/2020, bà yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi đối với các khoản vay khác mà bà đã vay của bà Phạm Thị H từ năm 2014 và năm 2015.

** Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị P và bà Phạm Thị H, buộc bà Đỗ Thị Bạch T và ông Lê T1 phải trả cho bà P và bà H mỗi người 91.833.500 đồng tiền nợ gốc và 12.545.000 đồng tiền nợ lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 22/01/2021, bà Đỗ Thị Bạch T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lại tiền lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,65%/tháng; không tính tiền lãi cho bà từ sau ngày 09/7/2019, vì bà làm ăn thua lỗ và tính lại tiền lãi đối với các khoản vay giữa bà với bà H vào năm 2014, năm 2015.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn là bà Đỗ Thị Bạch T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông Lê T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Bạch T làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Bạch T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 08/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã Đ xét xử vụ án. Ngày 22/01/2021, bà Đỗ Thị Bạch T có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[1.2] Bị đơn là ông Lê T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Bạch T.

[2.1] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,65%/tháng; khấu trừ số tiền lãi 69.000.000 đồng mà bà đã trả, nếu dư thì trừ vào tiền nợ gốc cho bà, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các đương sự đều thừa nhận, ngày 09/02/2018 bà T và ông T1 vay của bà P và bà H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng; từ ngày vay đến ngày 09/7/2019, bà T và ông T1 đã trả cho bà P và bà H 69.000.000 đồng tiền nợ lãi và 4.000.000 đồng tiền nợ gốc (trả vào ngày 14/6 và 12/8/2020). Tại thời điểm bà T và ông T1 vay tiền của bà P và bà H thì Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*. Như vậy, việc các đương sự thỏa thuận mức lãi suất vay là 2%/tháng tức 24%/năm là vượt quá lãi suất giới hạn (vượt quá 4%), nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần lãi suất thỏa thuận vượt quá là vô hiệu và chỉ buộc bà T và ông T1 phải trả tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày vay (ngày 09/02/2018) đến ngày 09/7/2019 với mức lãi suất 20%/năm; số tiền lãi bà T trả dư đã được trừ vào tiền nợ gốc là phù hợp với quy định được viện dẫn nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu không tính tiền lãi sau ngày 09/7/2019 vì bà làm ăn thua lỗ, hai bên thỏa thuận không tính tiền lãi, thì thấy rằng: Tại phiên tòa, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận không tính tiền lãi từ sau ngày 09/7/2019; bà P và bà H (do người đại diện theo ủy quyền) không thừa nhận có việc thỏa thuận như bà T trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T và ông T1 phải tiếp tục trả lãi cho bà H và bà P từ tháng 9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/01/2021) trên số tiền nợ gốc theo từng thời điểm theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lại tiền lãi của các khoản vay giữa bà với bà H vào năm 2014 và năm 2015, thì thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thừa nhận khoản vay vào năm 2014 và năm 2015 không liên quan đến khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 09/02/2018. *Ngày 19/11/2020*, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng *ngày 16/12/2020,* bà T mới có Đơn xin tính lại lãi suất đối với các khoản tiền mà bà vay của bà H vào năm 2014 và năm 2015. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: *Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra*

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, bà T đưa ra yêu cầu phản tố sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu phản tố của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật. Trường hợp bà T có tranh chấp thì có thể khởi kiện thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0004792 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Bạch T, giữ nguyên bản án số 01/2021/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P và bà Phạm Thị H, buộc bà Đỗ Thị Bạch T và ông Lê T1 phải trả cho bà Huỳnh Thị P và bà Phạm Thị H, mỗi người 91.833.500 đồng *(chín mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, năm trăm)* tiền nợ gốc và 12.545.000 đồng *(mười hai triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn)* tiền nợ lãi.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị P và bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Bạch T và ông Lê T1 phải chịu 10.438.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0004792 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà Đỗ Thị Bạch T và ông Lê T1 còn phải nộp 10.438.000 đồng *(mười triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày 09/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan